

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/DS-PT
Ngày: 10-12-2020
V/v: “Tranh chấp Hợp Đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội Đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp Đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 346/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963; cư trú tại số 6, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Xuân M (tên gọi khác: Mai Tí), sinh năm: 1978; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Xuân M (tên gọi khác là Mai Tí) – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị L, thì:

Do quen biết nên bà L có cho bà M vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 18/7/2017 bà L cho bà M vay 490.000.000Đ để làm nhà, giao hẹn khi cần tiền bà sẽ báo trước, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận; khi trả gốc sẽ trả lãi một lần. Bà M hứa chơi huê hốt sẽ trả. Nhưng khi bà muốn hốt huê thì bà M không cho hốt. Việc vay tiền thì có viết giấy nợ vào sổ, chữ do bà M viết.

Lần 2: Ngày 19/7/2017 bà L có cho bà M vay tiếp 60.000.000Đ, giao hẹn khi bà M chuyển nhượng được Quyền sử dụng đất thì sẽ trả cùng với số tiền 490.000.000đ đã vay trước đó.

Tổng cộng bà M vay của bà L tổng cộng 550.000.000đ.

Từ sau khi vay cho đến nay bà L đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền gốc đã vay và lãi suất theo thỏa thuận nhưng bà M vẫn không thực hiện. Nay bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và tiền lãi là 0,83%/tháng trên số tiền 550.000.000đ, tính từ ngày vay là ngày 19/7/2017 đến ngày 18/7/2020 là 160.000.000đ, tổng cộng bà yêu cầu bà M phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 710.000.000đ.

- Bà Trần Thị Xuân M thừa nhận có vay của bà L tổng cộng 550.000.000đ vào các ngày 18/7/2017 và 19/7/2017 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên đến ngày 30/10/2018 bà đã vay của bà Ngô Thị T 350.000.000đ cùng với tiền hàng thì bà đã trả hết cho bà L số tiền nói trên. Khi bà trả tiền cho bà L thì bà có yêu cầu bà L gạch sổ nhưng bà L nói để bà L tự gạch, vì là chỗ thân thiết và bà tin tưởng bà L nên bà để bà L tự gạch sổ. Đến khi về nhà, bà nghe nhiều người nói nên bà mới quay lại nhà bà L đưa quyển sổ của bà yêu cầu bà L viết cho bà mấy chữ thì lúc đó bà L bị trúng gió, có một người phụ nữ khác đang cạo gió cho bà L, bà đi uống nước xong quay ra thì bà L đưa lại quyển sổ của bà cho bà và bà thấy đã có dòng chữ “đã nhận đủ tiền” thì bà cầm sổ về. Bà không biết ai là người viết dòng chữ này, bà chỉ biết dòng chữ này được ghi trong nhà bà L, lúc đó có bà L và một người phụ nữ khác bà không biết tên. Từ trước đến nay bà không biết chữ của bà L như thế nào nên bà không biết dòng chữ này có phải do bà L viết hay không.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và tiền lãi là 0,83%/tháng trên số tiền 550.000.000đ, tính từ ngày 19/7/2017 đến ngày 18/7/2020 là 160.000.000đ thì bà không đồng ý vì đã trả nợ xong.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 48/2020/DS-ST ngày 18/8/2020; Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Buộc bà Trần Thị Xuân M (tức Mai Tí) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 710.000.000đ. Trong Đó, số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và số tiền lãi là 160.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/9/2020 bà Trần Thị Xuân M (tên gọi khác là Mai Tí) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Xuân M có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền đã vay, bà M cho rằng đã trả hết tiền gốc và lãi cho nguyên đơn nên không đồng ý, do vậy các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Tại Giấy vay tiền (bút lục số 11) thể hiện nội dung: Ngày 18/7/2017 Mai Tí có mượn của cô L tổng cộng là 490.000.000đ. Ngày 19/7/2017 Mai Tí mượn thêm cô L 60.000.000đ. Giấy vay tiền có chữ viết và chữ ký xác nhận của bà Trần Thị Xuân M.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà M cũng thừa nhận bà có vay của bà L hai khoản tiền nêu trên và chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà. Do đó, có căn cứ xác định trên thực tế bà M có nợ bà L tổng cộng số tiền 550.000.000đ.

[2.2] Bà M cho rằng bà đã trả cho bà L số tiền 550.000.000đ. Tài liệu mà bà M cung cấp là tờ giấy kẻ ô có dòng chữ “đã nhận đủ tiền”. Dưới dòng chữ này là chữ “l” (bút lục số 19). Bản thân bà M là người trực tiếp cung cấp tài liệu này nhưng lại không xác định được dòng chữ này có phải do bà L viết hay không, cũng không xác định được bà L có ký tên vào tài liệu này hay không. Nội dung tài liệu cũng không thể hiện thời gian nhận tiền, số tiền đã nhận. Trong khi đó, bà L lại không thừa nhận tài liệu này. Bà L xác định tài liệu này không phải do bà viết, chữ ký phía dưới cũng không phải là chữ ký của bà.

[2.3] Tại phiên tòa hôm nay, bà M xuất trình băng ghi âm thể hiện nội dung trao Đổi giữa bà và bà L về số tiền vay nói trên. Mặc dù băng ghi âm do đương sự xuất trình chưa được cho nghe công khai tại phiên tòa; tuy nhiên theo bà M trình bày

thì nội dung băng ghi âm thể hiện sau khi bà L khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân huyện Đ thì bà có đến nhà bà L; sau đó bà M có tiến hành ghi âm nội dung thỏa thuận giữa bà M và bà L, bà M cho biết băng ghi âm này thể hiện nội dung liên quan đến việc nợ tiền huê hụi giữa bà M và bà L, hai bên thỏa thuận nếu bà M đồng ý trả cho bà L số tiền 400.000.000đ thì bà L sẽ rút đơn khởi kiện và không khởi kiện đối với bà M liên quan đến số tiền 550.000.000đ nữa. Bà M cũng xác định trong nội dung ghi âm thì không thể hiện nội dung bà L thừa nhận bà M đã trả hết số nợ 550.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, bà L cũng thừa nhận là giữa bà với bà M có thỏa thuận nội dung nêu trên, trường hợp bà M trả ngay số tiền 400.000.000đ thì bà L sẽ rút đơn khởi kiện nhưng đến nay bà M vẫn không thực hiện thỏa thuận mà bà M đã hứa. Do vậy chứng cứ do bị đơn xuất trình không thể hiện việc các bên xác nhận đã trả xong số tiền mà hiện nay bà L đang khởi kiện nên không có căn cứ xem xét.

[2.4] Đối với việc tính lãi suất:

Theo nội dung giấy vay tiền nêu trên thì hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Nhưng cả bà L và bà M đều xác định đây là khoản vay có lãi. Tại phiên tòa hôm nay bà L xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.000đ/1.000.000đ/ngày còn bà M xác định mức lãi suất mà bà phải trả cho bà L là 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Như vậy giữa hai bên có tranh chấp lãi nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

Cụ thể: thời gian bà L yêu cầu tính lãi là từ ngày 19/7/2017 đến ngày 18/7/2020. Như vậy, số tiền lãi mà bà M phải trả cho bà L là $550.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 36 tháng = 167.444.444đ$. Tuy nhiên, bà L chỉ yêu cầu bà M trả số tiền lãi là 160.000.000đ nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà L là có căn cứ.

[3] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 710.000.000đ (trong đó nợ gốc là 550.000.000đ, nợ lãi là 160.000.000đ) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà M phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Xuân M (Mai Tí), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với bà Trần Thị Xuân M (Mai Tí).

Buộc bà Trần Thị Xuân M (Mai Tí) phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 710.000.000đ (bảy trăm mười triệu đồng), {trong đó, tiền nợ gốc là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng)}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Xuân M (Mai Tí) phải chịu 32.400.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại số tiền 13.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000077 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh L.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc bà Trần Thị Xuân M (Mai Tí) phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000508 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh L. Bà M đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đ, tỉnh L;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh L;
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch